



# MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ BỐN LẦN THAY ĐỔI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Tiếp theo số 71)

**PGS.TS. ĐỖ Đình Hoan**  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

## II. Một số bài học kinh nghiệm

Nghiên cứu bối cảnh, tính cấp thiết và những thay đổi của mỗi lần thay đổi chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết cho phát triển chương trình GDPT trong giai đoạn sắp tới. Dưới đây là một số bài học chủ yếu:

### 1. Thay đổi chương trình là việc làm cần thiết

Mỗi giai đoạn phát triển của đất nước đều đặt ra những yêu cầu mới cho đào tạo nguồn nhân lực. Với tư cách là “*nền tảng văn hóa của đất nước, là sức mạnh tương lai của dân tộc*” (2) đương nhiên GDPT phải có những thay đổi về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục, và cách đánh giá kết quả giáo dục cần đạt của học sinh; tức là phải thay đổi chương trình giáo dục (ở mức độ thích hợp) để góp phần đáp ứng những yêu cầu mới đó.

Ở Việt Nam đã có hai kiểu thay đổi chương trình GDPT:

- Thay đổi chương trình GDPT trong bối cảnh đất nước có những thay đổi lớn về chính trị-xã hội và GDPT phải có những thay đổi cơ bản, toàn diện về hệ thống, mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục,... Trong trường hợp này, chương trình mới thường là sản phẩm và giải pháp quan trọng của một cuộc CCGD nên thường gọi là “*Chương trình CCGD*”.

- Thay đổi chương trình GDPT khi chương trình hiện hành đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình và đang bộc lộ những tồn tại, bất cập cần được giải quyết bằng cách vừa kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được vừa thực hiện những đổi mới để đáp ứng những yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của giai đoạn phát triển mới của đất nước, đáp ứng sự phát triển của bản thân chương trình, khắc phục những tồn tại, hạn chế của chương trình cũ. Trong trường hợp này, chương trình mới là kết quả của sự tiếp tục thực hiện quá trình đổi mới GDPT nói chung, đổi mới chương trình GDPT nói riêng. Kiểu thay đổi chương trình này thường có các mức độ khác nhau (giữa các lần đổi mới chương trình, giữa các cấp học, giữa các môn học,...) và ngày

càng phổ biến vì làm như vậy sẽ giữ được ổn định trong giáo dục và chương trình sẽ thường xuyên cập nhật được các thông tin mới.

Ngoài hai kiểu thay đổi toàn bộ chương trình GDPT nêu trên, ở Việt Nam (cũng giống như một số nước khác) đã có những lần chỉ thay đổi chương trình của một hoặc một số môn học, giữ nguyên chương trình của các môn học khác; hoặc chỉ thay đổi chương trình một môn học ở một số lớp, giữ nguyên chương trình của môn học đó ở các lớp khác trong cùng một cấp học.

Ví dụ 1: Năm 1993 và 1994, đã cấu trúc lại nội dung, biên soạn lại SGK môn Toán và môn Tiếng Việt ở lớp 4 và lớp 5 (ở cấp I cũ), giữ nguyên chương trình hai môn học đó ở các lớp 1,2,3. Thực chất đây là sự điều chỉnh chương trình và chỉnh lí SGK hai môn học ở lớp 4 và lớp 5.

Ví dụ 2: Năm 1996, đã chính thức áp dụng chương trình mới đối với các môn học Tự nhiên và Xã hội (ở các lớp 1,2,3); Khoa học, Lịch sử, Địa lí (ở các lớp 4,5); Kỹ thuật, Hát-Nhạc, Mĩ thuật, Thể dục, Sức khỏe (ở cấp I cũ); giữ nguyên chương trình của các môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức (3).

### 2. Ba căn cứ chủ yếu để thay đổi chương trình

Thay đổi chương trình GDPT vào lúc nào, như thế nào,... đều phải dựa vào căn cứ sau:

2.1. *Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước (trong đó có chiến lược giáo dục), quan điểm và chính sách giáo dục của Đảng, Quốc hội, Chính phủ thể trong một giai đoạn cụ thể*

Đây là tầm nhìn chiến lược về chính trị, kinh tế-xã hội (trong đó có giáo dục và đào tạo) và thường được thể hiện bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, chiến lược, thông báo,... của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ. Từ tầm nhìn chiến lược này cần có những nghiên cứu để xác định được:

- Tác động mới của bối cảnh quốc gia và quốc tế trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

- Những yêu cầu mới của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội đối với đào tạo nguồn nhân lực phục vụ giai đoạn phát triển mới của đất nước và hội nhập quốc tế.

- Chiến lược giáo dục trong một giai đoạn cụ thể, trong đó nêu rõ những yêu cầu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp, ... mà giáo dục và đào tạo phải đáp ứng; những yêu cầu, định hướng, giải pháp, mức độ thay đổi chương trình GDPT.

2.2. *Đánh giá và những bài học kinh nghiệm của thực tế triển khai chương trình GDPT trong các giai đoạn đã qua, những kết quả nghiên cứu để chuẩn bị cho thay đổi chương trình trong giai đoạn sắp tới*

Mỗi chương trình GDPT chỉ thích ứng với một giai đoạn lịch sử cụ thể, ở một đất nước cụ thể. Sau một số năm triển khai trong thực tế, có thể khẳng định được những ưu điểm đồng thời cũng bộc lộ những "tồn tại" (bao gồm một số thiếu sót, hạn chế, hoặc những vấn đề không còn phù hợp với giai đoạn mới,...) cần phải khắc phục của chương trình GDPT hiện hành. Vì vậy, trong quá trình soạn thảo và triển khai chương trình, cần phải:

- Thường xuyên đánh giá, rút kinh nghiệm về chương trình và các điều kiện triển khai chương trình để phát huy những ưu điểm, đồng thời phát hiện kịp thời những "tồn tại" và thực hiện điều chỉnh, bổ sung ở các mức độ thích hợp.

- Tổ chức các nghiên cứu (về lí luận và thực tiễn) chuẩn bị cho thay đổi chương trình vào thời điểm thích hợp. Thông thường có 8 loại vấn đề cần nghiên cứu là:

+ Những yêu cầu của giai đoạn phát triển mới của đất nước đối với đào tạo nguồn nhân lực nói chung, đối với GDPT nói riêng.

+ Hệ thống các giá trị nhân cách cần kế thừa và phát huy, những giá trị nhân cách mới cần hình thành và phát triển trong nhà trường phổ thông để đáp ứng yêu cầu nêu trên.

+ Sự phát triển về tâm sinh lí, sức khỏe (thể chất và tinh thần) của HS các cấp học, đặc biệt là của trẻ em vào học lớp 1.

+ Thực trạng và những giải pháp nâng cao năng lực, hoàn thiện về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục để đón đầu những đổi mới của GDPT.

+ Những bài học kinh nghiệm về quy trình soạn thảo, triển khai và về hiệu quả của quá trình triển khai trong thực tế chương trình GDPT hiện hành, trong đó có những "tồn tại" cần giải quyết của hệ thống GDPT và của chương trình hiện hành.

+ Xu thế phát triển chương trình GDPT của quốc tế trong tương lai gần.

+ Định hướng phát triển từng thành tố của chương trình GDPT (mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, cách thức

đánh giá kết quả giáo dục học sinh) và đổi mới cách soạn thảo chương trình GDPT trong giai đoạn sắp tới.

+ Những thử nghiệm về đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục,...và những điều kiện để khả thi hóa khi triển khai rộng các kết quả thử nghiệm.

Kết quả của các việc cần làm nêu trên góp phần tạo lập cơ sở khoa học để kết thúc triển khai chương trình hiện hành, đề xuất những định hướng, nguyên tắc, quy trình và thực hiện soạn thảo chương trình mới.

2.3. *Xu thế, kinh nghiệm phát triển chương trình GDPT của các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới*

Chương trình GDPT là sự kết tinh những giá trị cơ bản nhất của dân tộc và thời đại nên bao giờ cũng có tính kế thừa và phát triển, ngày càng làm đậm nét về tính dân tộc và hội nhập quốc tế. Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm (thành công và chưa thành công) của các nước phát triển, đi trước và vận dụng sáng tạo theo đặc điểm, hoàn cảnh của Việt Nam là con đường ngắn nhất, tiết kiệm nhất để tiếp cận với xu thế và trình độ GDPT của các nước phát triển trong khu vực, trên thế giới; tránh được những hạn chế, không thành công trong phát triển chương trình GDPT. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế như hiện nay chúng ta càng có cơ hội và điều kiện để trao đổi kinh nghiệm, so sánh quốc tế, phát hiện những xu thế phát triển chương trình GDPT để học tập và vận dụng cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước.

**3. Chương trình GDPT phải là chương trình giáo dục quốc gia, áp dụng thống nhất trong cả nước nhưng được phép linh hoạt trong vận dụng cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng vùng, từng nhà trường, từng đối tượng HS**

3.1. *Theo kinh nghiệm của Việt Nam và của quốc tế, một quốc gia thống nhất (không bị chia cắt, không phải là liên bang) thường có chương trình giáo dục quốc gia (National curriculum), tạo cơ hội thực hiện sự bình đẳng trong GDPT cho mọi trẻ em trong độ tuổi học phổ thông.*

- Chỉ sau khi đất nước thống nhất (năm 1975), Việt Nam mới có điều kiện triển khai chương trình GDPT áp dụng trong phạm vi cả nước. Chương trình CCGD (năm 1981) là chương trình GDPT đầu tiên được áp dụng thống nhất trong cả nước, kể từ năm 1945.



- Nguyên tắc cơ bản để thống nhất chương trình GDPT trong một quốc gia đa dân tộc và có sự phát triển không đồng đều về kinh tế-xã hội giữa các vùng lãnh thổ là:

+ Đảm bảo thống nhất trong phạm vi cả nước về “Chương trình GDPT tổng thể” thường diễn đạt dưới dạng **chương trình khung** (Curriculum framework) và **chuẩn của chương trình** (Curriculum standart), coi đây là “Chương trình quốc gia”. Điều đó có nghĩa là phải thống nhất về mục tiêu giáo dục, kế hoạch giáo dục tối thiểu và bắt buộc (của GDPT, của từng cấp học, môn học), thống nhất những quan điểm phát triển và những hướng dẫn, giải thích chung về nội dung, phương pháp giáo dục, cách đánh giá kết quả giáo dục theo chuẩn của chương trình.

+ Trao quyền và tạo điều kiện cho các cấp quản lý giáo dục và GV được phép tổ chức vận dụng chương trình quốc gia cho phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của từng vùng, từng nhà trường, từng đối tượng HS, với sự thẩm định, giám sát ở cấp quản lý giáo dục thích hợp. Cần lưu ý rằng, đây không phải là soạn thảo chương trình riêng cho từng vùng, từng đối tượng HS mà thực chất là tìm những con đường, cách đi thích hợp để hỗ trợ cho HS đạt được mục tiêu và chuẩn của chương trình quốc gia một cách vững chắc, đồng thời đáp ứng được nhu cầu phát triển năng lực cá nhân của HS.

+ Nhà nước, cộng đồng, gia đình cần có những hỗ trợ thích hợp để mọi trẻ em đều được đi học và học tập có chất lượng, ít nhất là đạt chuẩn của chương trình quốc gia ở giai đoạn học tập bắt buộc.

*3.2. Từng bước tiếp cận với cách soạn thảo chương trình tổng thể (ở dạng chương trình khung) rồi phân cấp vận dụng, quản lý chương trình là giải pháp đảm bảo tính thống nhất nhưng linh hoạt trong thực hiện của chương trình GDPT Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*

Khi soạn thảo Chương trình GDPT áp dụng từ năm 2002, chúng ta đã bước đầu tiếp cận với cách soạn thảo chương trình khung và chuẩn chương trình (5). Việc làm này đã tạo điều kiện cho các tác giả SGK được chủ động lựa chọn nội dung giáo dục cụ thể và tự phân phối thời lượng trong từng chủ đề nội dung nêu trong “chương trình tổng thể”(phù hợp với tổng thời lượng của môn học trong mỗi năm học, được xác định tại kế hoạch giáo dục của cấp học). Khi triển khai chương trình mới, Bộ GD&ĐT đã có một số văn bản hướng dẫn vận dụng chương trình theo đặc điểm từng

vùng, từng đối tượng HS; khuyến khích sự chủ động trong cập nhật nội dung, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả giáo dục ở cấp trường. Tuy nhiên, do nhiều lí do, hiệu quả của việc làm này còn rất hạn chế. Trong giai đoạn sắp tới cần có cơ chế, giải pháp rõ ràng, đặc biệt cần tập huấn cách soạn thảo và vận dụng chương trình quốc gia cho những thành viên tham gia phát triển và vận dụng chương trình, để thay đổi nhận thức và hành động từ khâu soạn thảo chương trình khung và chuẩn chương trình ở cấp quốc gia đến việc vận dụng và quản lý chương trình ở cấp địa phương, cấp trường và từng GV. Việc làm này cần phải có lộ trình để đạt kết quả một cách bền vững, phù hợp với điều kiện của đất nước, tránh bảo thủ và tránh nôn nóng, cực đoan.

*3.3. Phối hợp đánh giá thường xuyên ở cấp trường với đánh giá định kì ở cấp quốc gia để góp phần đảm bảo chất lượng và hiệu quả bền vững của chương trình GDPT thống nhất và linh hoạt*

Tổ chức đánh giá định kì kết quả học tập của HS theo chuẩn chương trình ở cấp quốc gia, ở từng giai đoạn của từng cấp học của GDPT là giải pháp quan trọng để rà soát, kiểm kê, nhắc nhở, định hướng dạy học đảm bảo chất lượng và hiệu quả theo chương trình GDPT thống nhất trong cả nước; góp phần chuẩn bị tham gia đánh giá quốc tế kết quả học tập và so sánh quốc tế chương trình GDPT Việt Nam.

Đánh giá thường xuyên kết quả học tập của HS ở từng lớp, từng trường, từng địa bàn dân cư,... vừa góp phần tạo động lực học tập chuyên cần cho HS, tạo điều kiện cho gia đình HS quan tâm hơn đến kết quả học tập hàng ngày của HS; vừa giúp GV và các cấp quản lý giáo dục rút kinh nghiệm và tìm giải pháp hỗ trợ HS sửa chữa, bổ sung kịp thời những sai sót, yếu kém (nếu có) để cuối mỗi giai đoạn học tập HS đạt được chuẩn của chương trình một cách vững chắc.

Phối hợp hợp lí đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì (ở cấp quốc gia), thực hiện đổi mới mạnh mẽ mối quan hệ giữa đánh giá kết quả học tập ở các cấp học của GDPT với thi tuyển vào các trường dạy nghề, cao đẳng, đại học là giải pháp rất quan trọng để góp phần đảm bảo chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện của GDPT, hạn chế và dần dần xóa bỏ những lệch lạc, tiêu cực, nặng nề trong học tập và kiểm tra, thi cử.

**4. Kiên trì phát huy tính độc lập, tự chủ, gìn giữ những giá trị Việt Nam trong quá trình đẩy mạnh hội nhập quốc tế về chương trình GDPT**

**4.1. Nhận thức về “khác biệt quốc gia, đồng dạng toàn cầu” trong phát triển chương trình GDPT**

Mỗi quốc gia đều có những đặc điểm, truyền thống, bản sắc văn hóa, điều kiện kinh tế-xã hội,... không hoàn toàn giống nhau, tạo ra sự “khác biệt” giữa các quốc gia. Mặt khác, xu thế hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ đã và đang tạo ra sự “tương tự”, sự “gần giống nhau”, sự “đồng dạng” trong nhiều lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,... ở từng nhóm nước, từng khu vực, hoặc trên toàn cầu. Trong giáo dục, sự “khác biệt quốc gia, đồng dạng toàn cầu” đang tồn tại và chắc chắn sẽ tác động đến tương lai của giáo dục học đường (6).

Trong hệ thống giáo dục của các nước, sự “khác biệt quốc gia” thường đậm nét ở các cấp học của GDPT. Nếu tận dụng, phát huy được những mặt tích cực của sự khác biệt đó thì GDPT ở mỗi nước sẽ có những thế mạnh đặc thù, góp phần tạo nên những giá trị của dân tộc. Đây là một trong những lí do để xác định: “GDPT là nền tảng văn hóa của một nước, là sức mạnh tương lai của một dân tộc” (2).

Những nghiên cứu về so sánh quốc tế chương trình GDPT trong nhiều năm gần đây thường hướng tới:

- Phát hiện những xu thế phát triển của chương trình GDPT, cũng có thể hiểu là tìm sự “đồng dạng” ở khu vực hoặc toàn cầu về phát triển chương trình GDPT, để mỗi quốc gia vận dụng theo hoàn cảnh và đặc điểm của mình.

- Trao đổi, giới thiệu những kinh nghiệm phát triển chương trình GDPT ở các nhóm nước để tìm ra những sự “khác biệt quốc gia” và cách phát huy những mặt tích cực của sự khác biệt đó, tự giải quyết hợp lí mối quan hệ giữa “khác biệt quốc gia” và “đồng dạng toàn cầu” trong phát triển chương trình GDPT ở từng nước.

Như thế, việc xử lí mối quan hệ giữa “khác biệt quốc gia” và “đồng dạng toàn cầu” tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng nước và do từng nước tự quyết định. Những cách làm theo kiểu “nhập khẩu”, “dập khuôn” thường không đem lại hiệu quả vì mỗi nước đều có hoàn cảnh, điều kiện, nền văn hóa riêng.

**4.2. Phát huy tính độc lập, tự chủ, gìn giữ bản sắc văn hóa Việt Nam, đồng thời đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong phát triển chương trình GDPT**

Tuy ở các mức độ khác nhau, trong các điều kiện cụ thể khác nhau, nhưng cả 4 lần thay đổi chương trình ở nước ta đều có chung một số đặc điểm rất nổi bật như sau:

- Chủ động xây dựng rồi quán triệt các quan điểm chỉ đạo phát triển chương trình GDPT phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ giai đoạn phát triển mới của đất nước, phù hợp với thực tiễn và truyền thống Việt Nam, ngày càng tiếp cận được với trình độ GDPT của các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

- Mỗi lần thay đổi chương trình GDPT đều hướng tới những mục tiêu phát triển toàn diện các phẩm chất và năng lực của HS để nâng cao hơn chất lượng và hiệu quả giáo dục của GDPT.

Mặc dù còn có một số hạn chế hoặc có thể ở môn học, cấp học nào đó còn có những vấn đề chưa đạt được kết quả như mong đợi, nhưng có thể khẳng định được rằng 4 lần thay đổi chương trình GDPT vừa qua đều đem lại nhận thức mới, chất lượng mới, bước tiến mới cả về lí luận và thực tiễn trong phát triển chương trình GDPT góp phần đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng những nhu cầu phát triển của đất nước trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Những thành tựu nêu trên là kết quả của quá trình kiên trì phát huy tính độc lập, tự chủ, gìn giữ những giá trị Việt Nam, đồng thời ngày càng đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong phát triển chương trình GDPT.

**5. Thực hiện đồng bộ các nhân tố đảm bảo chất lượng giáo dục trong quá trình soạn thảo và triển khai chương trình GDPT mới**

**5.1. Năm nhân tố chủ yếu đảm bảo chất lượng GDPT**

Căn cứ vào tài liệu tổng kết của UNESCO (7), của Ngân hàng thế giới và thực tế GDPT Việt Nam(8), có thể xác định 5 nhân tố chủ yếu đảm bảo chất lượng của GDPT là:

- Chương trình GDPT.
- Đội ngũ cán bộ quản lí giáo dục và GV.
- Thời lượng và cách sắp xếp, sử dụng thời gian giáo dục trong năm học.

- Cơ sở vật chất, tài liệu dạy học, trang thiết bị giáo dục, ứng dụng công nghệ mới trong giáo dục.

- Sự nuôi dưỡng, chăm sóc, phối hợp giáo dục giữa nhà trường, cộng đồng và gia đình đối với HS.

Đối với chất lượng và hiệu quả của GDPT, cả 5 nhân tố nêu trên đều quan trọng và có quan hệ mật thiết với nhau, mặc dù mức độ đóng góp của mỗi nhân tố đó có thể khác nhau.

**5.2. Về tính đồng bộ của các nhân tố đảm bảo chất lượng giáo dục khi thiết kế và triển khai chương trình GDPT mới**

Nếu quan niệm “đồng bộ” là “có sự ăn khớp giữa tất cả các bộ phận hoặc các khâu, tạo nên



một sự hoạt động nhịp nhàng của chính thể" (9) thì cả 4 lần thay đổi chương trình GDPT ở nước ta, do nhiều nguyên nhân khác nhau, chưa bao giờ đạt được sự đồng bộ theo nghĩa như trên của các nhân tố đảm bảo chất lượng giáo dục. Thực tế của 4 lần thay đổi chương trình GDPT đã chứng tỏ rằng, sự thiếu đồng bộ đó đã hạn chế rất nhiều đến chất lượng và hiệu quả của soạn thảo và triển khai chương trình mới.

Đĩ nhiên, không nên tuyệt đối hóa (ngay cả trong quan niệm) về sự đồng bộ giữa 5 nhân tố đảm bảo chất lượng giáo dục, vì sự đồng bộ này còn phụ thuộc vào nhiều điều kiện, nhiều ban ngành, nhiều cơ quan và con người cụ thể ở từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nhưng khi đất nước đã phát triển ở thế ổn định và sự phát triển chương trình GDPT đã gần như có "chu kì" thì cần phải khắc phục sự thiếu đồng bộ này.

### III. Kết luận

- Chương trình GDPT là một trong những nhân tố quan trọng đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện của GDPT. Nhận thức về vị trí của chương trình GDPT trong quá trình giáo dục ở nước ta ngày càng đầy đủ, rõ ràng hơn. Sau bốn lần thay đổi chương trình, khái niệm "Chương trình GDPT" đã được thể chế hóa trong Luật Giáo dục (2005) (10); vị trí quan trọng của Chương trình GDPT, trong đó có chuẩn của chương trình đã được xác định cụ thể trong bộ "Chương trình GDPT" (2006) (11). Đây là những cơ sở, căn cứ cần thiết để từng bước phát huy vai trò của chương trình giáo dục trong quản lí, chỉ đạo và triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục ở nhà trường phổ thông.

- Chương trình GDPT phải được phát triển theo từng giai đoạn phát triển mới của đất nước để đáp ứng những yêu cầu mới về đào tạo nguồn nhân lực và phù hợp với gia tốc phát triển của các đối tượng HS; tiếp cận với những xu thế tiến bộ trong phát triển chương trình giáo dục ở khu vực và quốc tế. Như vậy, phát triển chương trình GDPT là để phát huy những thành tựu, khắc phục những tồn tại của các chương trình có trước, tạo dựng một bộ chương trình mới phù hợp với truyền thống và những đổi mới của đất nước, của GDPT Việt Nam và ngày càng tiếp cận được với trình độ GDPT của các nước phát triển trên thế giới.

- Mỗi lần thay đổi chương trình GDPT đều có bối cảnh, điều kiện rất cụ thể và kết quả thay đổi chương trình không thể không tính đến bối cảnh

và điều kiện đó. Nhưng nói chung, mỗi lần thay đổi chương trình GDPT ở nước ta đều thực hiện được những nhiệm vụ trọng tâm nhất của cuộc CCGD hoặc đổi mới GDPT ở từng giai đoạn phát triển của đất nước; trong đó quan trọng nhất là góp phần đào tạo lớp người lao động mới phát triển toàn diện, có đủ các phẩm chất và năng lực để bảo vệ, xây dựng Tổ quốc Việt Nam, tham gia đóng góp vào những hoạt động chung của cộng đồng quốc tế.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Thuần Nho (Chủ biên), *35 năm phát triển sự nghiệp giáo dục phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1980.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung Ương, *Nghị quyết của Bộ Chính trị về Cải cách giáo dục*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1979.
3. Đỗ Đình Hoan, *Triển khai dạy đủ số môn và đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
5. Đỗ Đình Hoan, *Một số vấn đề cơ bản của Chương trình Tiểu học mới*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002.
6. David P. Baker. Gerald K. Le Tendre, *Khác biệt quốc gia - Đồng dạng toàn cầu, Văn hóa thế giới và tương lai của giáo dục học đường*, Người dịch Phạm Tuấn Hoàng Sơn, NXB Văn hóa Sài Gòn và Đại học Hoa Sen, 2009.
7. UNESCO, *Giáo dục cho mọi người, Yêu cầu khẩn thiết về chất lượng, Báo cáo giám sát toàn cầu về giáo dục cho mọi người*, 2005.
8. Ngân hàng thế giới, Washington D.C, *Những ưu tiên và chiến lược cho giáo dục*, 1995.
9. Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội, 2003.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tìm hiểu Luật Giáo dục 2005*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình Giáo dục phổ thông - Những vấn đề chung*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009.

### SUMMARY

*This article presents experience from previous 4 school curriculum reform: 1950, 1956, 1981 and 2002.*